TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2025/DS-PT
Ngày: 06/01/2025
V/v: Chia thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Như Lâm
Các Thẩm phán: Ông Đỗ Minh Hoàng
Ông Chu Tuấn Anh
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Trang, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội*:** Bà Nguyễn Bách Thiện Linh, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 397/2024/TLPT-DS ngày 22/10/2024 về việc "*Chia thừa kế*"

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 134/2024/DSST ngày 30/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện G, Thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 547/2024/QĐ-PT ngày 9/12/2024, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Vương Thị T; sinh năm 1959; địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện G, Thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền Công ty L4. Tham gia phiên tòa có bà là bà Hoàng Hải H nhân viên công ty; bà H có mặt tại phiên tòa.

Địa chỉ liên hệ: Tầng D, tòa nhà I, số H, phố D, phường D, quận C, Thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T có Luật sư Đỗ Quang H1 - Công ty L4 – Đoàn Luật sư Thành phố H; Luật sư H1 có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Vương Đình T1; sinh năm 1953; địa chỉ: Nhà số H, hẻm B đường L, phường K, quận Đ, Thành phố Hà Nội; vắng mặt tại phiên tòa.

2.2. Ông Vương Đình L; sinh năm 1956; địa chỉ: Số nhà A, ngách B ngõ B phố Đ, phường T, quận H, Thành phố Hà Nội; vắng mặt tại phiên tòa.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Vương Thị T2; sinh năm 1951; địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện G, Thành phố Hà Nội: có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T2: Bà Vương Thị Thúy T3; Địa chỉ: Thôn Đ, xã P, huyện G, Thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

3.2. Bà Vương Thị H2; sinh năm 1962; địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện G, Hà Nội.

Người giám hộ của bà H2: Bà Vương Thị Thúy T3; địa chỉ: Thôn Đ, xã P, huyện G, Thành phố Hà Nội (bà Vương Thị H2 là người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 54/2023/QĐST-VDS ngày 31/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện G); có mặt tại phiên tòa.

3.3. Bà Vương Thị Thúy T3; sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn Đ, xã P, huyện G, Thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà Vương Thị Thúy T3: Luật sư Đỗ Quang H1 – Công ty L4 - Đoàn Luật sư Thành phố H;

Địa chỉ liên hệ: Tầng D, Tòa nhà I phố D, phường D, quận C, Thành phố Hà Nội; có mặt tại phiên tòa.

4. Người kháng cáo, kháng nghị: Do có kháng cáo của ông Vương Đình T1, ông Vương Đình L là bị đơn; bà Vương Thị Thúy T3 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Vương Thị T trình bày có nội dung được tóm tắt như sau:*

Về quan hệ huyết thống: Bà T có bố đẻ là cụ Vương Đình T4, sinh năm 1927 (chết ngày 12/10/2022); mẹ đẻ là cụ bà Đào Thị S, sinh năm 1925, đã chết ngày 25/03/2014. Các cụ chết không để lại di chúc.

Về hàng thừa kế của cụ T4 và cụ S: Cụ T4 có bố là ky Vương Đình T5 mẹ đẻ là ky Nguyễn Thị B, cả hai đã chết từ lâu, chết trước thời điểm cụ T4 chết. Cụ S có bố là ky Đào Công P và mẹ là ky Bùi Thị C, cả hai đã chết từ lâu, chết trước thời điểm cụ S chết. Cụ T4 và cụ S sinh được 06 người con chung gồm: Vương Thị T2, Vương Đình T1, Vương Đình L, Vương Thị H2, Vương Thị Thúy T3 và bà là Vương Thị T. Ngoài ra, bố mẹ bà không còn con đẻ, con nuôi nào khác.

Di sản thừa kế của cụ T4 và cụ S để lại là: Thửa đất số 140, tờ bản đồ Phù Dực 8, diện tích: 930 m^2 (trong đó có: 300 m^2 đất ở; 630 m^2 đất vườn và đất ao) tại địa chỉ: Xóm T, thôn P (Nay là P) xã P, huyện G, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số Đ 205351 do UBND huyện G, thành phố Hà Nội cấp ngày 27/9/2004 mang tên hộ gia đình ông Vương Đình T4. Thửa đất trên của bố mẹ bà có nguồn gốc là do các cụ để lại. Việc cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Vương Đình T4 bà xác định cụ T4 chỉ là người đại diện đứng tên còn đây là tài sản chung của bố mẹ bà trong thời kỳ hôn nhân.

- Về việc quản lý, tôn tạo di sản: Từ thời điểm mẹ bà chết, bố bà và em gái bà là Vương Thị H2 bị tàn tật sinh sống và quản lý toàn bộ tài sản. Sau khi mẹ chết ông Vương Đình T1 và ông Vương Đình L là con trai ở bên Hà Nội có về chăm sóc bố và em gái có tuần về 2 đến 3 lần, có tuần không về, bà phải ở nhà để chăm sóc em H2. Ông T1 không chăm sóc bố từ tháng 02/2020, ông L không chăm sóc bố từ tháng 8/2020. Đến tại thời điểm này ông T1 và ông L chỉ về để thắp hương những

ngày giỗ, tết chứ không sinh sống trên thửa đất. Từ thời điểm mẹ chết đến cuối năm 2020, thửa đất trên không có ai tạo lập tài sản gì thêm. Sau khi bố bà chết, bà và em gái Vương Thị H2 là những người sinh sống và quản lý toàn bộ di sản thừa kế. Khi bố bà chết gia đình làm thủ tục hỏa táng xong thì ông T1 và ông L mới về. Năm 2021, bà và các chị em gái có ý định xây dựng một gian nhà khép kín cho em gái Vương Thị H2 ở và tiện trông nom, chăm sóc nhưng ông T1 và ông L phá không cho xây dựng.

- Các nghĩa vụ tài sản và chi phí liên quan đến thừa kế: Trước khi bố bà chết, có ốm đau tuổi già ông T1 và ông L chăm sóc được mấy hôm, ngày có ngày không, còn lại chủ yếu vẫn là chị em bà chăm sóc và mua thuốc thang bằng tiền tuổi già của bố bà và tiền của chị em bà từ thời điểm năm 2014 đến khi bố chết, ông T1 và ông L không hề bỏ một đồng tiền nào để lo cho bố.

Thời điểm mẹ chết, bố bà là người đứng ra lo ma chay cho mẹ, các anh chị em trong nhà thì đều đóng góp tiền cho bố để tổ chức tang lễ và lo chi phí mai táng cho mẹ. Còn thời điểm bố chết, họ hàng có họp bàn để ông T1 và ông L đứng lên lo tang lễ và chi phí mai táng, chị em bà đồng ý và đóng góp số tiền làm ma là 10.000.000 đồng. Tuy nhiên, khi công việc mai táng cho bố xong xuôi, ông T1 và ông L đã cầm hết số tiền phúng viếng của trong họ, đối với số tiền phúng viếc của các chị em gái thì trả tại. Đối với số tiền 34.000.000 đồng và 100 USD vào năm 2019 ông T1 mở tủ lấy toàn bộ số tiền này của bố để tiêu (bà trình bày số tiền này ra để Tòa án biết sự việc và biết về con người của ông T1 và ông L, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền này). Trong quá trình ở trên đất bà có xây dựng được nhà cấp 4 và các công trình trên đất của bố mẹ vào năm 2015.

** Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ông Vương Đình T1 trình bày có nội dung được tóm tắt như sau:* Ông là con trai của cụ Vương Đình T4 và cụ Đào Thị S. Về quan hệ huyết thống và hàng thừa kế: Ông T1 xác định như nguyên đơn bà Vương Thị T trình bày là đúng, ông nhất trí và không bổ sung gì.

Về việc quản lý, tôn tạo đất và tài sản trên đất của cụ T4 và cụ S: Trước đây bố mẹ ông là cụ T4 và cụ S có nhà nhưng đã cũ nát, phần nhiều là đất ao, trũng ngập nước. Đến năm 2002, do nhà của bố mẹ đã xuống cấp, bố mẹ và các em không có điều kiện về kinh tế. Lúc này ông công tác tai Công ty V1 và ông Vương Đình L là người quản lý về vệ sinh môi trường tại G Hà Nội có điều kiện hơn bố mẹ và các em, nên đã bỏ tiền ra đổ đất lấp ao, tôn nền nhà, xây tường bao, xây nhà cấp 4 năm gian, nhà ngang và các công trình phụ trên thửa đất số 140, tờ bản đồ Phù Dực 8 của bố mẹ để lại. Năm 2009, ông và ông L tiếp tục bỏ tiền để nâng sân nền, tôn tạo nhà 03 gian và chuồng lợn, bếp, nhà vệ sinh. Những việc ông và ông L làm đều có người làm chứng ông đã cung cấp cho Tòa án. Sau khi bố mẹ ông mất, ông và ông Vương Đình L là người đứng trông nom, quản lý di sản thừa kế. Em Vương Thị H2 là người tàn tật ở trên nhà do ông và ông L xây dựng, còn bà T năm 2015 có xây dựng nhà tạm trên một phần đất của bố mẹ ông.

Toàn bộ lời khai của bà T về việc bà là người có công sức tôn tạo đất và tài sản trên đất của cụ T4 và cụ S cũng như việc chăm sóc, lo ma chay cho bố mẹ ông là không đúng. Thời điểm bố mẹ ông chết, ông và ông Vương Đình L là con trai và

là người đứng ra tổ chức tang lễ, lo chi phí mai táng cho bố mẹ. Năm 2008 khi sang cát cho mẹ, ông và ông L còn mua suất mộ cho bố, mẹ và còn mua một suất cho em H2 là người tàn tật tại nghĩa trang T13.

Nay bà Vương Thị T khởi kiện chia thừa kế thửa đất số 140, tờ bản đồ Phù Dực 8, địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện G, thành phố Hà Nội và tài sản gắn liền với đất là tài sản chung của cụ T4 và cụ S theo quy định của pháp luật, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mà ông đề nghị giữ nguyên nhà đất như hiện trạng. Đối với bản "Chúc thư" ông không đề nghị Tòa án giải quyết, tại phiên tòa ông đề nghị Tòa án công nhận "Chúc thư" của cụ T4 không chia thừa kế và để lại di sản làm nơi thờ cúng. Ngoài ra, ông T1 không có yêu cầu phản tố, không đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

** Bị đơn ông Vương Đình L trình bày:* Ông là con trai của cụ Vương Đình T4 và cụ Đào Thị S. Về quan hệ huyết thống và hàng thừa kế: Ông L xác định như nguyên đơn bà Vương Thị T trình bày là đúng, ông nhất trí và không bổ sung gì. Về quan điểm giải quyết vụ án, ông L có quan điểm trình bày như bị đơn ông Vương Đình T1. Đối với GCNQSDĐ số Đ 205351 do UBND huyện G, thành phố Hà Nội cấp ngày 27/9/2004 mang tên hộ gia đình ông Vương Đình T4 ông L trình bày hiện nay ông đang là người quản lý.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Vương Thị T2, Vương Thị Thúy T3 và đại diện của bà Vương Thị H2 trình bày có nội dung được tóm tắt như sau:* Các bà là con gái của cụ Vương Đình T4 và cụ Đào Thị S. Về quan hệ huyết thống và hàng thừa kế: Bà T2, bà T3 bà bà H2 xác định như nguyên đơn bà Vương Thị T trình bày là đúng. Về quan điểm giải quyết vụ án bà T2, bà T3 và bà H2 đứng về phía nguyên đơn bà Vương Thị T và có quan điểm trình bày như nguyên đơn. Bà Vương Thị T khởi kiện chia thừa kế thửa đất số 140, tờ bản đồ Phù Dực 8, địa chỉ: Xóm T, thôn P (Nay là P) xã P, huyện G, thành phố Hà Nội. Bà T2, bà T3 và bà H2 đều có nguyện vọng được chia thừa kế theo pháp luật và có nguyện vọng được hưởng thừa kế bằng hiện vật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 134/2024/DSST ngày 30/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện G, Thành phố Hà Nội đã quyết định:

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vương Thị T về chia thừa kế thửa đất số 140, tờ bản đồ Phù Dực 8, diện tích 930m^2 (đo đạc thực tế là 952,5m^2) địa chỉ: Thôn X, thôn P (Nay là P) xã P, huyện G, thành phố Hà Nội là di sản của cụ Vương Đình T4 và cụ Đào Thị S.

2. Xác nhận cụ Vương Đình T4, chết năm 2022 và cụ Đào Thị S, chết năm 2014 đều không để lại di chúc.

Di sản thừa kế của cụ T4 và cụ S là đất số 140, tờ bản đồ Phù Dực 8, diện tích 930m^2, trong đó: Đất ở là 300m^2, đất vườn là 630m^2 địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện G, thành phố Hà Nội. Xác định diện tích thửa đất 140 nêu trên để chia theo diện tích đo đạc thực tế là 952,5m^2 (trong đó: 300m^2 đất ở và 652,5m^2 đất vườn) có trị giá là 31.575.000.000 đồng. Các tài sản trên đất: 01 nhà 05 gian (làm nhà thờ); nhà 03 gian; 01 nhà 02 gian (làm bếp); 04 cây mít; 02 cây bưởi; 02 cây nhãn; 01 cây

vối, 01 cây bơ và 01 cây trứng gà. Tổng trị giá tài sản trên đất là 41.945.240 đồng. Tổng trị giá đất và tài sản trên đất là 31.616.945.240 đồng.

2.1. Trích một phần thửa đất 140 nêu trên, làm lối đi chung (cho toàn bộ hàng thừa kế thứ nhất) có diện tích đất vườn là 81m^2, đất được giới hạn bởi các điểm (6,7,8,26,27,21,22,23,24,25,6) có trị giá là 2.430.000.000 đồng.

2.2. Xác nhận ông Vương Đình L và ông Vương Đình T1 có công sức trong việc duy trì, quản lý, xây dựng, tôn tạo di sản thừa kế. Trích 30% của tổng giá trị di sản của cụ T4 và cụ S (đã trừ đi trị giá đất làm lối đi chung) để chi công sức duy trì di sản cho ông T1 và ông L số tiền là 8.756.083.572 đồng *(Theo phần ông L, ông T1 mỗi ông được hưởng số tiền 4.378.041.786 đồng).* Di sản thừa kế của cụ T4 và cụ S còn lại là 20.430.861.668đ *(Hai mươi tỷ bốn trăm ba mươi triệu tám trăm sáu mươi mốt nghìn sáu trăm sáu mươi tám đồng)*.

2.3. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ T4 và cụ S gồm: Bà Vương Thị T2, ông Vương Đình T1, ông Vương Đình L, Vương Thị T, bà Vương Thị H2, bà Vương Thị Thúy T3.

2.4. Chia di sản thừa kế của cụ T4 và cụ S thành 06 kỷ phần, mỗi kỷ phần 3.405.143.611,33đ *(Ba tỷ bốn trăm linh năm triệu một trăm bốn mươi ba nghìn sáu trăm mười một phẩy ba mươi ba đồng)*.

2.5. Chia bằng hiện vật:

2.5.1. Chia cho bà Vương Thị T diện tích 88,0m^2 (trong đó: Đất ở là 50,0m^2, đất vườn là 38,0m^2) tại một phần thửa đất 140 nêu trên, đất được giới hạn bởi các điểm (4,5,6,25,4) có trị giá 3.140.000.000đ *(Ba tỷ một trăm bốn mươi triệu đồng)*. Trên đất có nhà gạch mái tôn, nhà bếp, sân gạch, mái tôn, tường bao do bà T xây dựng năm 2015. Bà T được thanh toán thêm số tiền chênh lệch là 265.143.611,33 đồng.

2.5.2. Chia cho bà Vương Thị T2 diện tích 86,5m^2 (trong đó: Đất ở là 50m^2, đất vườn là 36,5m^2) tại một phần thửa đất 140 nêu trên, đất được giới hạn bởi các điểm (3,4,25,24,3) có trị giá là: 3.095.000.000đ *(Ba tỷ không trăm chín mươi lăm triệu đồng)*. Bà T2 được thanh toán thêm số tiền chênh lệch là 310.143.611,33 đồng.

2.5.3. Chia cho bà Vương Thị H2 diện tích 85,0m^2 (trong đó: Đất ở là 50m^2, đất vườn là 35m^2) tại một phần thửa đất 140 nêu trên, đất được giới hạn bởi các điểm (21,27,16,17,18,19,20,21,27) trên đất có nhà 03 gian trị giá 16.398.225 đồng; nhà bếp hai gian trị giá 9.697.875đ. Đất và tài sản trên đất được chia có trị giá: 3.076.096.100đ *(Ba tỷ không trăm bảy mươi sáu triệu không trăm chín mươi sáu nghìn một trăm đồng)*. Bà H2 được thanh toán thêm số tiền chênh lệch là 329.047.511,33 đồng.

2.5.4. Chia cho bà Vương Thị Thúy T3 diện tích 85,5m^2 (trong đó: Đất ở là 50m^2, đất vườn là 35,5m^2) tại một phần thửa đất 140 nêu trên, đất được giới hạn bởi các điểm (2,3,24,23,2), trên đất có 01 cây nhãn trị giá 1.260.000 đồng. Đất và tài sản trên đất bà T3 được chia có trị giá: 3.066.260.000đ (Ba tỷ không trăm sáu mươi sáu triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng). Bà T3 được thanh toán thêm số tiền chênh lệch là 338.883.611,33 đồng.

2.5.5. Chia cho ông Vương Đình T1 diện tích 222,0m^2 (trong đó: Đất ở là 50,0m^2, đất vườn là 172,0m^2) tại một phần thửa đất 140 nêu trên, đất được giới hạn bởi các điểm (1,2,23,22,1), trên đất có 01 cây bưởi trị giá 598.500 đồng, 02 cây mít trị giá 1.522.500 đồng, 01 cây vối trị giá 577.500 đồng, 01 cây trứng gà trị giá 147.000 đồng. Đất và tài sản trên đất ông T1 được chia có trị giá là: 7.162.845.500đ *(Bảy tỷ một trăm sáu mươi hai triệu tám trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm đồng)*. Ông T1 được thanh toán thêm số tiền chênh lệch 620.339.897,33 đồng.

2.5.6. Chia cho ông Vương Đình L diện tích 304,5m^2 (trong đó: Đất ở là 50m^2, đất vườn là 254,5m^2) tại một phần thửa đất 140 nêu trên, đất được giới hạn bởi các điểm (27,26,8,11,12,13,14,15,16,27) trên đất có nhà 05 gian (nhà thờ) trị giá 8.792.740 đồng; 01 cây bơ trị giá 598.500 đồng, 02 cây mít trị giá 1.102.500 đồng, 01 cây nhãn trị giá 819.000 đồng, 01 cây bưởi trị giá 430.900 đồng, bức bình phong, tường hoa, bể nước. Đất và tài sản trên đất ông L được chia có trị giá là 9.646.743.640đ *(Chín tỷ sáu trăm bốn mươi sáu triệu bảy trăm bốn mươi ba nghìn sáu trăm bốn mươi đồng).* Ông L có trách nhiệm thanh toán cho:

- Ông T1 số tiền 620.339.897,33đ *(Sáu trăm hai mươi triệu ba trăm ba mươi chín nghìn tám trăm chín mươi bảy phẩy ba mươi ba đồng)*;
- Bà T2 số tiền 310.143.611,33đ *(Ba trăm mười triệu một trăm bốn mươi ba nghìn sáu trăm mười một phẩy ba mươi ba đồng*);
- Bà T số tiền 265.143.611,33đ *(Hai trăm năm mươi sáu triệu một trăm bốn mươi ba nghìn sáu trăm mười một phẩy ba mươi ba đồng)*;
- Bà H2 số tiền 329.047.511,33đ *(Ba trăm hai mươi chín triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm mười một phẩy ba mươi ba đồng),*
- Bà T3 số tiền 338.883.611,33đ *(Ba trăm ba mươi tám triệu tám trăm tám mươi ba nghìn sáu trăm mười một phẩy ba mươi ba đồng)*.

(Kèm theo bản án có Sơ đồ phân chia của Hội đồng xét xử)

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án *(Người giám hộ cho bà H2 được thực hiện quyền theo quy định tại Điều 47, 57, 58, 59 của Bộ luật dân sự);* nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự tại thời điểm trả.

4. Khi bản án chia thừa kế của Tòa án có hiệu lực pháp luật, Văn phòng đăng ký đất đai, cơ quan Tài nguyên và Môi trường có thẩm quyền căn cứ vào bản án, quyết định của Tòa án để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án. Ông L là người đang quản lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 205351 do UBND huyện G, thành phố Hà Nội cấp ngày 27/9/2004 mang tên hộ gia đình ông Vương Đình T4 có nghĩa vụ bàn giao lại cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền và phối hợp với những người được hưởng thửa kế để làm thủ tục cấp GCNQSDĐ theo quy định. Trường hợp ông L không phối hợp, giao nộp GCNQSDĐ đã cấp để làm thủ tục cấp GCNQSDĐ mới thì những người

được hưởng thừa kế có quyền liên hệ với các cơ quan chức năng để thực hiện việc làm thủ tục cấp GCNQSDĐ theo bản án, quyết định của Tòa án.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm bị đơn ông Vương Đình T1, ông Vương Đình L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vương Thị Thúy T3 kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 134/2024/DSST ngày 30/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện G, Thành phố Hà Nội.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đương sự không rút đơn khởi kiện, đơn kháng cáo, không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, không xuất trình chứng cứ mới.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Luật sự H1 trình bày bản luận cứ để bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Vương Thị T; Luật sự H1 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét sửa án sơ thẩm vì nguồn gốc di sản của các cụ để lại là quyền sử dụng đất cấp cho hộ gia đình, xem xét tính lại công sức cho các đương sự, phân chia cho các đương sự bằng hiện vật là quyền sử dụng đất chứ không phải thanh toán bằng tiền, xem xét chia hiện vật cho bà H2 nhưng ở vị trí cạnh bà T để tiện cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng.

Nguyên đơn bà Vương Thị T thống nhất với lời trình bày của Luật sư H1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vương Thị T2 thống nhất với lời trình bày của Luật sư H1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vương Thị Thúy T3 thống nhất với lời trình bày của Luật sư H1.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ kiện, đại diện VKS nhân dân Thành phố H đề nghị HĐXX áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 134/2024/DSST ngày 30/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện G, Thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án trên cơ sở thẩm tra, xem xét tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện lời khai của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử thấy:

[1]. Về tố tụng:

Bố đẻ bà Vương Thị T là cụ Vương Đình T4 và cụ Đào Thị S, các cụ chết không để lại di chúc. Bà T làm đơn khởi kiện ông Vương Đình T1 và ông Vương Đình L là các đồng thừa kế của cụ T4 và cụ S để yêu cầu chia di sản thừa kế đối với thửa đất số 140, tờ bản đồ Phù Dực 8, địa chỉ: Xóm T, thôn P (Nay là P) xã P, huyện G, thành phố Hà Nội. Căn cứ vào khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai; khoản 5 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội thụ lý vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Trong vụ án này, bà Vương Thị H2 là người có khó khăn trong nhận thức,

làm chủ hành vi đã có quyết định của Tòa án nhân dân huyện G số 54/2023/QĐST-VDS xác nhận và trong quyết định cũng chỉ định bà Vương Thị Thúy T3 làm người giám hộ cho bà H2. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà Vương Thị Thúy T3 là người giám hộ cho bà H2 tham gia tố tụng trong vụ án.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, người kháng cáo là ông Vương Đình T1, ông Vương Đình L vắng mặt không có lý do. Đây là phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử xem xét đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Vương Đình T1 và ông Vương Đình L.

[2]. Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Vương Đình T1, ông Vương Đình L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vương Thị Thúy T3 kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 134/2024/DSST ngày 30/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện G, Thành phố Hà Nội nộp trong hạn luật định, đã nộp dự phí kháng cáo, về hình thức là hợp lệ.

[3]. Về nội dung:

3.1. Về thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế: Nguyên đơn - bà Vương Thị T khởi kiện yêu cầu phân chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với di sản của vợ chồng cụ Vương Đình T4, sinh năm 1927, chết ngày 12/10/2022 và cụ Đào Thị S, sinh năm 1925, chết ngày 25/03/2014 để lại. Ngày 11/4/2024 bà T làm đơn khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân huyện G. Do đó, căn cứ theo quy định tại Khoản 1 Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 việc khởi kiện của nguyên đơn còn thời hiệu.

3.2. Về quan hệ huyết thống và hàng thừa kế:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và theo lời khai thống nhất của các đương sự đủ căn cứ xác định: Cụ Vương Đình T4 và cụ Đào Thị S sinh được 06 người con là:

- Bà Vương Thị T2, sinh năm 1951.
- Ông Vương Đình T1, sinh năm 1953.
- Ông Vương Đình L, sinh năm 1956.
- BàVương Thị Thuận, sinh năm 1959.
- Bà Vương Thị H2, sinh năm 1962.
- Bà Vương Thị Thúy T3, sinh năm 1966.

Ngoài ra, hai cụ không còn con đẻ, con nuôi nào khác. Cụ Vương Đình T4 có bố đẻ là kỵ Vương Đình T5 mẹ đẻ là kỵ Nguyễn Thị B, cả hai đã chết từ lâu, chết trước thời điểm cụ T4 chết. Cụ Đào Thị S có bố đẻ là kỵ Đào Công P và mẹ đẻ là kỵ Bùi Thị C, cả hai đã chết từ lâu, chết trước thời điểm cụ S chết.

Hàng thừa kế thứ nhất đối với phần di sản của cụ S và cụ T6 để lại gồm có 06 người: Bà Vương Thị T2, ông Vương Đình T1, ông Vương Đình L, bà Vương Thị T, bà Vương Thị H2, bà Vương Thị Thúy T3.

Ông T1, ông L kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận việc chia thừa kế theo chúc thư mà cụ T4 để lại. Về "Chúc thư" của ông Vương Đình T4 lập ngày 08/3/2019, có nội dung: Cụ T4 quyết định bán một phần thửa đất 140 đi để lấy tiền tu sửa nhà thờ, sau đó giao cho các con là T1 và L giám sát việc tu sửa, trông nom nhà thờ, không được mua bán, chuyển nhượng cho ai dưới mọi hình thức. Chúc thư có xác nhận của đại diện thôn P là ông Nguyễn Ngọc H3. Xét thấy,

Chúc thư của cụ Vương Đình T4 chỉ là lời dặn dò đối với các con, không có nội dung định đoạt cụ thể cho ông T1 và ông L. Mặt khác, tại văn bản số 366 ngày 12/8/2024 của UBND xã P đề nghị Tòa án hủy bỏ hiệu lực lời chứng thực chữ ký của UBND xã P đối với ông Nguyễn Ngọc H3 đã ký tại văn bản chúc thư do ông Vương Đình T4 lập. Về hình thức, đây không được xem là di chúc hợp pháp nên không có căn cứ để chia di sản thừa kế theo "Chúc thư" do ông T1 cung cấp. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xem xét phân chia di sản thừa kế của cụ T6 và cụ S để lại theo pháp luật là có căn cứ.

Mặc dù, thời điểm mở thừa kế của hai cụ là khác nhau, nhưng hàng thừa kế thứ nhất của các cụ và tổng di sản thừa kế của cụ T4 và cụ S không thay đổi nên tổng hợp di sản chung của hai cụ phân chia cùng một lần như Tòa án cấp sơ thẩm đã phân chia không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của những người được hưởng di sản thừa kế của cụ T4, cụ S để lại.

3.3. Về di sản thừa kế và phân chia di sản thừa kế:

3.3.1. Về di sản thừa kế:

Quá trình giải quyết vụ án các nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Diện tích đất nêu trên cấp cho hộ gia đình nên phải xem xét đến quyền lợi của các thành viên trong hộ gia đình khi phân chia di sản thừa kế. Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi tên là hộ gia đình ông Vương Đình T4 theo quy định tại Khoản 29 Điều 3 Luật Đất đai năm 2013:

"Hộ gia đình sử dụng đất là những người có quan hệ hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, đang sống chung và có quyền sử dụng đất chung tại thời điểm được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất; nhận chuyển quyền sử dụng đất".

Trong vụ án này, nguồn gốc đất theo như đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất do cụ T4 trình bày là do bố mẹ để lại cho sử dụng từ năm 1955 (Bút lục A). Như vậy, diện tích đất tại thửa đất số 140, tờ bản đồ Phù Dực 8, diện tích 930m^2, trong đó: Đất ở là 300m^2, đất vườn là 630m^2, địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện G, thành phố Hà Nội do hai cụ quản lý sử dụng không phải có nguồn gốc của Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất; không phải do hai vợ chồng cụ T4 và cụ S nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ người khác nên có căn cứ xác định quyền sử dụng đất với diện tích đất nêu trên cấp cho hộ ông Vương Đình T4 là tài sản chung của cụ T4, cụ S.

Cụ T4, cụ S để lại di sản thừa kế là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 140, tờ bản đồ Phù Dực 8, diện tích 930m^2, trong đó: Đất ở là 300m^2, đất vườn là 630m^2 địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện G, thành phố Hà Nội. Xác định diện tích thửa đất 140 nêu trên để chia theo diện tích đo đạc thực tế là 952,5m^2 (trong đó: 300m^2 đất ở và 652,5m^2 đất vườn). Ngoài ra, còn một số công trình khác xây trên đất nhưng không thuộc di sản thừa kế.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tại cấp sơ thẩm thể hiện như sau:

Một phần thửa đất 140, phần đất vườn làm lối đi chung (cho toàn bộ hàng

thừa kế thứ nhất) có diện tích 81m^2 (đất được giới hạn bởi các điểm 6,7,8,26,27,21,22,23,24,25,6), diện tích đất còn lại là 871,5m^2 có trị giá: 29.145.000.000 đồng, trong đó: đất ở (300m^2 x 40.000.000đ/m^2) = 12.000.000.000 đồng; đất vườn (571,5m^2 x 30.000.000 đ/m^2) = 17.145.000.000 đồng.

- Về tài sản trên đất: 01 cây mít đường kính 15cm trị giá là: 682.500 đồng; 01 cây mít đường kính 20cm trị giá là: 840.000 đồng; 01 cây bơ đường kính 20cm trị giá là: 598.500 đồng; 01 cây vối đường kính 75cm trị giá là: 577.500 đồng; 01 cây bưởi đường kính 20cm trị giá là: 598.500 đồng; 01 cây nhãn đường kính 15cm trị giá là: 819.000 đồng; 01 cây nhãn đường kính 25cm trị giá là: 1.260.000 đồng; 01 cây mít đường kính 10cm trị giá là: 420.000 đồng; 01 cây mít đường kính 18cm trị giá là: 682.500 đồng; 01 cây bưởi đường kính 15cm trị giá là: 430.900 đồng; 01 cây trứng gà đường kính 15cm trị giá là: 147.000 đồng.

Tài sản là các công trình xây dựng của cụ T4 và cụ S do ông T1 và ông L sửa chữa, tôn tạo: Nhà mái ngói 05 gian, xây năm 2002 trị giá 8.792.700 đồng; 01 nhà mái ngói 3 gian, xây năm 2009 trị giá 16.398.200 đồng; 01 nhà mái ngói 02 gian (bếp), xây năm 2009 trị giá 9.697.800 đồng; 01 nhà mái ngói 02 gian (chuồng lợn), xây năm 2009 trị giá 6.465.200 đồng; 01 khu công trình phụ (nhà vệ sinh), phía trên xây bể nước, xây năm 2009 trị giá 6.157.000 đồng; cổng sắt làm năm 2009 trị giá 244.500 đồng; Hàng rào B40 làm năm 2009 trị giá 54.600 đồng; Giá trị đất san nền là 150.000 đồng/1m^3.

Các tài sản khi chia đất làm lối đi chung không còn giá trị sử dụng nên không tính vào tài sản để chia gồm: *01 nhà mái ngói 02 gian (chuồng lợn), xây năm 2009 trị giá 6.465.200 đồng; 01 khu công trình phụ (nhà vệ sinh), phía trên xây bể nước, xây năm 2009 trị giá 6.157.000 đồng; cổng sắt làm năm 2009 trị giá 244.500 đồng; Hàng rào B40 làm năm 2009 trị giá 54.600 đồng.*

Các công trình khác đã hết khấu khao trị giá = 0 đồng, bao gồm*: 02 tường ngoài sân, xây năm 2009, phía trước nhà 05 gian; 01 tường bình phong, xây năm 2009, phía trước nhà 05 gian; 01 bể nước ngầm, xây năm 2009; 01 bể nước nhỏ, xây năm 2009; 04 tường hoa, xây năm 2009; 01 sân bê tông xây, năm 2009; 01 giếng khơi; 02 trụ cổng xây năm 2009; Sân lát gạch đỏ kích thước gạch 30 x 30 cm xây năm 2009; Sân lát gạch đỏ kích thước gạch 10 x 20 cm xây năm 2009; Sân lát bê tông xây năm 2009; Lối đi lát bê tông xây năm 2009; Tường bao xung quanh thửa đất loại tường 10cm, xây năm 2009; 01 sân phía trước nhà tạm lát gạch xây năm 2015; Mái lợp tôn trên sân lát gạch đỏ làm năm 2015; 03 tường bao xung quanh sân lát gạch xây năm 2015; 02 trụ cổng làm năm 2015.*

Tổng cộng đất và tài sản trên đất chia thừa kế: (tài sản trên đất 41.945.240 đồng + đất 29.145.000.000 đồng) = 29.186.945.240 đồng.

- Nhà do bà T xây dựng: 01 nhà tạm, xây năm 2015 trị giá 30.936.000 đồng; 01 khu vệ sinh mái đổ bê tông, xây năm 2015 trí giá 15.991.500 đồng; 01 khu bếp (nhà tạm) lợp tôn chống nóng, xây năm 2015 trị giá 12.776.000 đồng; 01 cổng sắt làm năm 2015, trị giá 66.200 đồng. Tổng cộng là: 59.769.700 đồng.

Tại cấp phúc thẩm các đương sự trong vụ án không đề nghị định giá lại, không phản đối kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản của cấp sơ

thẩm nên Tòa án cấp phúc thẩm xác định kết quả nêu trên là căn cứ phân chia di sản thừa kế là phù hợp với quy định của pháp luật.

3.3.2. Về việc phân chia di sản thừa kế:

* Về việc trích công sức cho người quản lý di sản:

Tòa án cấp sơ thẩm xác định:

Sau khi cụ S chết, cụ T4 đứng ra quản lý nhà và đất. Trong quá trình cụ T4 quản lý tài sản do nhà và các công trình xuống cấp, ông T1 và ông L có bỏ tiền ra để đầu tư, tôn tạo đất, sửa chữa các công trình trên đất đã cũ nát, đất nền đã nâng lên khoảng 1,5m so với trước đây. Việc sửa chữa, tôn tạo đất ông T1 và ông L đã cung cấp cho Tòa án xác nhận của những người đã từng làm công trình cho mình. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của những người làm chứng để xác định, cụ thể: Ông Nguyễn Thế L1 khai: "Năm 2002, ông Vương Đình T1 và ông Vương Đình L thuê tôi sửa chữa, nâng cấp nhà 05 gian của gia đình cụ V Đinh Thuần tại xóm T, thôn P.. Theo đó, công việc của tôi là sửa chữa, nâng cấp toàn bộ phần gỗ. Chi phí tôn tạo, sửa chữa là bao nhiêu thì tôi không nhớ vì sự việc đã hơn 20 năm"; Ông Bùi Huy T7 khai: "Năm 2002, ông Vương Đình T1 và ông Vương Đình L đều là con của cụ Vương Đình T4 có thuê tôi hạ giải, nâng nhà 05 gian và tôn tạo nhà 05 gian của gia đình cụ Vương Đình T4 tại Xóm T ... thuê tôi sửa chữa, nâng cấp nhà 05 gian của gia đình cụ Vương Đình T4 tại xóm T, thôn P.. Theo thỏa thuận, tôi đã hạ giải xây dựng lại, nâng tiến nhà 05 gian lên 1,8m và hoàn thiện. Ông L và ông T1 là người thanh toán tiền công..."; Ông Nguyễn Văn H4 khai: "Năm 2009, ông Vương Đình T1 và ông Vương Đình L có thuê tôi vận chuyển đổ đất, nâng sân, vườn, ao cho gia đình cụ Vương Đinh T8 tại xóm T, thôn P.. Sau khi hoàn thành công việc được thuê theo thỏa thuận, ông L và ông T1 đã thanh toán đầy đủ tiền cho tôi"; Ông Nguyễn Ngọc T9 khai: "Năm 2002, ông Vương Đình T1 và ông Vương Đình L có thuê tôi vận chuyển đất, cát nâng nhà gỗ 05 gian... Sau khi hoàn thành công việc được thuê theo thỏa thuận, ông L và ông T1 đã thanh toán đầy đủ tiền công. Nhà 05 gian tôi vận chuyển đất cát nằm trên thửa đất của gia đình cụ Vương Đình T4"; Ông Nguyễn Văn T10 và bà Nguyễn Thị L2 khai: "Năm 2009, ông Vương Đình T1 và ông Vương Đình L có thuê ông Nguyễn Văn L3 và vợ chồng tôi để xây, sửa chữa nhà 03 gian cùng bếp, chuồng lợn, nhà vệ sinh, sân nền, giếng, cổng, tường hoa... Sau khi nghiệm thu và bàn giao công trình, ông T1 và ông L đã thanh toán đầy đủ tiền công, chi phí cho chúng tôi. Số tiền cụ thể là bao nhiêu thì chúng tôi không nhớ được vì sự việc đã xảy ra 14 - 15 năm rồi..."; Ông Nguyễn Văn L3 khai: "Năm 2009, ông Vương Đình T1 và ông Vương Đình L có thuê tôi, anh Nguyễn Văn T10 và chị Nguyễn Thị L2 làm, sửa chữa, tôn tạo nhà 03 gian, bếp, chuồng lợn, nhà vệ sinh.... Sau khi làm xong, ông T1 và ông L đã thanh toán đầy đủ tiền công, chi phí cho tôi và vợ chồng ông T10. Số tiền cụ thể là bao nhiêu thì chúng tôi không nhớ được vì sự việc đã xảy ra hơn 10 năm rồi..." ; Ông Nguyễn Hiếu C1 khai: "Tôi chỉ nhớ từ năm cụ Vương Đình T4 và cụ Đào Thị S còn sống, tôi không nhớ cụ thể năm nào, tôi là hàng xóm với gia đình cụ T4 thì gia đình cụ T4 có thuê tôi xây dựng tường bao giáp đường cái chính và tường bao ngõ đi chung... Tôi chỉ nhớ cụ T4 hoặc ông T1 là người thanh toán cho tôi". Sau khi tôn

tạo, sửa chữa cụ T4 vẫn ở trên đất này, khi cụ T4 chết ông T1 và ông L là con trai đứng ra lo tang lễ, thờ cúng và là người quản lý di sản thừa kế của cụ T4 và cụ S.

Trên cơ sở lời khai của các đương sự và thực tế quản lý, sử dụng tài sản, xét thấy cần thiết phải tính công sức cho ông T1 và ông L về việc quản lý, duy trì, tôn tạo tài sản. Do đó, đối với số tiền ông T1 và ông L đầu tư sửa chữa, duy trì, tôn tạo di sản thừa kế của cụ T4 và cụ S, Tòa án cấp sơ thẩm đã trích 30% tổng giá trị di sản của cụ T4 và cụ S để chi cho ông T1 và ông L, cụ thể: Tổng 29.186.945.240 đồng x 30% = 8.756.083.572 đồng (Theo phần ông L, ông T1 mỗi ông được hưởng số tiền 4.378.041.786 đồng) là vượt quá một kỷ phần thừa kế nên Hội đồng xét xử xem xét tính công sức cho ông T1 và ông L về việc quản lý, duy trì, tôn tạo tài sản của cụ T4 và cụ S bằng một kỷ phần thừa kế và tính giá trị cho hai ông ngang nhau là hợp lý.

Đối với bà T, lớn lên đi lấy chồng ở nhà chồng. Sau khi ly hôn chồng thứ nhất về ở với cụ T4, cụ T4 đồng ý cho bà T xây dựng nhà trên một phần đất của cụ T4 từ năm 2015 để ở riêng, nên không có căn cứ để tính công sức duy trì, tôn tạo đất cho bà T. Đối với bà H2 là người khuyết tật, chỉ ở trên đất cũng không có công sức duy trì, tôn tạo đất, nên không xem xét.

Về kháng cáo của bà T3, đối với việc xác định công sức quản lý, tôn tạo cho các bị đơn. Như đã phân tích ở trên, Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận một phần kháng cáo của bà T3.

*Về việc phân chia di sản thừa kế:

Di sản thừa kế được chia cho hàng thừa kế thứ nhất gồm: Bà Vương Thị T2, ông Vương Đình T1, ông Vương Đình L, bà Vương Thị T, bà Vương Thị H2, bà Vương Thị Thúy T3.

Trị giá di sản thừa kế của cụ T4 và cụ S1 để lại là 29.186.945.240 đồng Mỗi kỷ phần thừa kế là: 29.186.945.240 đồng : 7 = 4.169.563.605 đồng (làm tròn),

Bà Vương Thị T2, bà Vương Thị T, bà Vương Thị H2, bà Vương Thị Thúy T3 mỗi người được hưởng 4.169.563.605 đồng (làm tròn).

Ông Vương Đình T1, ông Vương Đình L mỗi người được hưởng: 4.169.563.605 đồng + (4.169.563.605 đồng : 2) = 6.254.345.407 đồng (làm tròn).

Quá trình giải quyết vụ án, ông T1, ông L không đồng ý chia thừa kế và đề nghị để lại làm nhà thờ. Các đồng thừa kế khác đều đề nghị được chia bằng hiện vật. Xét thấy, cụ T4 và cụ S chết đi không để lại di chúc nên chia thừa kế theo pháp luật. Diện tích đất là di sản thừa kế đủ điều kiện để chia bằng hiện vật, nên phân chia như sau:

- Chia cho bà Vương Thị T diện tích 88,0m^2 (trong đó: Đất ở là 50,0m^2, đất vườn là 38,0m^2) tại một phần thửa đất 140 nêu trên, đất được giới hạn bởi các điểm (4,5,6,25,4) trên đất có nhà gạch mái tôn, nhà bếp, sân gạch, mái tôn, tường bao do bà T xây dựng năm 2015. Đất bà T được chia có trị giá: 3.140.000.000 đồng. Bà T được thanh toán thêm số tiền chênh lệch là: 4.169.563.605 đồng - 3.140.000.000 đồng = 1.029.563.605 đồng.

- Chia cho bà Vương Thị T2 diện tích 86,5m^2 (trong đó: Đất ở là 50m^2, đất vườn là 36,5m^2) tại một phần thửa đất 140 nêu trên, đất được giới hạn bởi các điểm

(3,4,25,24,3) có trị giá là: 3.095.000.000 đồng. Bà T2 được thanh toán thêm số tiền chênh lệch là 4.169.563.605 đồng - 3.095.000.000 đồng = 1.074.563.605 đồng.

- Chia cho bà Vương Thị Thúy T3 diện tích 85,5m^2 (trong đó: Đất ở là 50m^2, đất vườn là 35,5m^2) tại một phần thửa đất 140 nêu trên, đất được giới hạn bởi các điểm (2,3,24,23,2), trên đất có 01 cây nhãn trị giá 1.260.000 đồng. Đất và tài sản trên đất bà T3 được chia có trị giá: 3.066.260.000 đồng. Bà T3 được thanh toán thêm số tiền chênh lệch là: 4.169.563.605 đồng - 3.066.260.000 đồng = 1.103.303.605 đồng.

- Chia cho bà Vương Thị H2 diện tích 85,0m^2 (trong đó: Đất ở là 50m^2, đất vườn là 35m^2) tại một phần thửa đất 140 nêu trên, đất được giới hạn bởi các điểm (21,27,16,17,18,19,20,21,27) trên đất có nhà 03 gian trị giá 16.398.225 đồng; nhà bếp hai gian trị giá 9.697.875 đồng. Đất và tài sản trên đất được chia có trị giá: 3.076.096.100 đồng. Bà H2 được thanh toán thêm số tiền chênh lệch là: 4.169.563.605 đồng - 3.076.096.100 đồng = 1.093.467.505 đồng.

- Chia cho ông Vương Đình T1 diện tích 222,0m^2 (trong đó: Đất ở là 50,0m^2, đất vườn là 172,0m^2) tại một phần thửa đất 140 nêu trên, đất được giới hạn bởi các điểm (1,2,23,22,1), trên đất có 01 cây bưởi trị giá 598.500 đồng, 02 cây mít trị giá 1.522.500 đồng, 01 cây vối trị giá 577.500 đồng, 01 cây trứng gà trị giá 147.000 đồng. Đất và tài sản trên đất ông T1 được chia có trị giá là: 7.162.845.500 đồng. Ông T1 phải thanh toán số tiền chênh lệch theo kỷ phần là 7.162.845.500 đồng - 6.254.345.407 đồng = 908.500.093 đồng.

- Chia cho ông Vương Đình L diện tích 304,5m^2 (trong đó: Đất ở là 50m^2, đất vườn là 254,5m^2) tại một phần thửa đất 140 nêu trên, đất được giới hạn bởi các điểm (27,26,8,11,12,13,14,15,16,27) trên đất có nhà 05 gian (nhà thờ) trị giá 8.792.740 đồng; 01 cây bơ trị giá 598.500 đồng, 02 cây mít trị giá 1.102.500 đồng, 01 cây nhãn trị giá 819.000 đồng, 01 cây bưởi trị giá 430.900 đồng, bức bình phong, tường hoa, bể nước. Đất và tài sản trên đất ông L được chia có trị giá là 9.646.743.640 đồng. Ông L phải thanh toán số tiền chênh lệch theo kỷ phần là: 9.646.743.640 đồng - 6.254.345.407 đồng = 3.392.398.233 đồng.

* Về nghĩa vụ thanh toán:

Ông L phải thanh toán cho bà T số tiền 1.029.563.605 đồng; ông L phải thanh toán cho bà T2 số tiền 1.074.563.605 đồng; ông L phải thanh toán cho bà T3 số tiền 1.103.303.605 đồng; ông T1 phải thanh toán cho bà H2 số tiền 908.500.093 đồng; ông L phải thanh toán cho bà H2 số tiền 184.967.412 đồng.

Về tiền chi phí tố tụng: Số tiền chi phí xem xét, thẩm định, định giá nguyên đơn đã nộp tạm ứng đã chi phí hết. Nguyên đơn tự nguyện nộp toàn bộ, nên không xem xét xử lý.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và sửa án sơ thẩm như đã phân tích ở trên.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa ngày hôm nay có phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4]. Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn; đồng bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Vương Thị T2, bà Vương Thị H2 là người cao tuổi, nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Bà Vương Thị Thúy T3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với kỷ phần được chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Vương Đình T1, ông Vương Đình L là người cao tuổi, nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Bà Vương Thị Thúy T11 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 2 Điều 308; Điều 147; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 158, 166, 189, 609, 610, 611, 612, 613, 614, 620, 623, 649, 650, 651, 655 và Điều 660 Bộ luật Dân sự;
- Khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai;
- Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội *"Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án"*.
- Án lệ số 05/2016/AL của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06/4/2016.

Xử:

1. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 134/2024/DS-ST ngày 30/8/2024 của Toà án nhân dân huyện G và quyết định cụ thể như sau:

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vương Thị T về chia thừa kế thửa đất số 140, tờ bản đồ Phù Dực 8, diện tích 930m^2 (đo đạc thực tế là 952,5m^2) địa chỉ: Xóm T, thôn P (Nay là P) xã P, huyện G, Thành phố Hà Nội là di sản của cụ Vương Đình T4 và cụ Đào Thị S.

Di sản thừa kế của cụ T4 và cụ S là thửa đất số 140, tờ bản đồ Phù Dực 8, diện tích 930m^2, trong đó: Đất ở là 300^2, đất vườn là 630m^2 địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện G, thành phố Hà Nội. Xác định diện tích thửa đất 140 nêu trên để chia theo diện tích đo đạc thực tế là 952,5m^2 (trong đó: 300m^2 đất ở và 652,5m^2 đất vườn) có trị giá là 31.575.000.000 đồng. Các tài sản trên đất: 01 nhà 05 gian (làm nhà thờ); nhà 03 gian; 01 nhà 02 gian (làm bếp); 04 cây mít; 02 cây bưởi; 02 cây nhãn; 01 cây vối, 01 cây bơ và 01 cây trứng gà. Tổng trị giá tài sản trên đất là 41.945.240 đồng. Tổng trị giá đất và tài sản trên đất là 31.616.945.240 đồng.

1.2. Xác định di sản thừa kế của cụ Vương Đình T4 và cụ Đào Thị S để lại được chia theo pháp luật.

- Xác định cụ Đào Thị S, sinh năm 1925, chết ngày 25/03/2014. Xác nhận thời điểm mở thừa kế của cụ S vào ngày 25/03/2014.
- Xác định cụ Vương Đình T4, sinh năm 1927, chết ngày 12/10/2022. Xác nhận thời điểm mở thừa kế của cụ T4 vào ngày 12/10/2022.

- Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ T4 và cụ S gồm: Bà Vương Thị T2, ông Vương Đình T1, ông Vương Đình L, bà Vương Thị T, bà Vương Thị H2, bà Vương Thị Thúy T3.

1.3. Phân chia di sản thừa kế:

- Trích một phần thửa đất 140 nêu trên, làm lối đi chung (cho toàn bộ hàng thừa kế thứ nhất) có diện tích đất vườn là 81m^2, đất được giới hạn bởi các điểm (6,7,8,26,27,21,22,23,24,25,6) có trị giá là 2.430.000.000 đồng; di sản của cụ T4 và cụ S để lại còn có trị giá là: 29.186.945.240 đồng.

- Xác nhận ông Vương Đình L và ông Vương Đình T1 có công sức trong việc duy trì, quản lý, xây dựng, tôn tạo di sản thừa kế nên được tính bằng một kỷ phần thừa kế. Ông Vương Đình L và ông Vương Đình T1 được tính giá trị ngang nhau.

- Chia di sản thừa kế của cụ T4 và cụ S thành 07 kỷ phần, mỗi kỷ phần 4.169.563.605 đồng (làm tròn),

Bà Vương Thị T2, bà Vương Thị T, bà Vương Thị H2, bà Vương Thị Thúy T3 mỗi người được hưởng 4.169.563.605 đồng (làm tròn).

Ông Vương Đình T1, ông Vương Đình L mỗi người được hưởng: 6.254.345.407 đồng (làm tròn).

1.4. Chia bằng hiện vật, có sơ đồ kèm theo bản án.

- Chia cho bà Vương Thị T diện tích 88,0m^2 (trong đó: Đất ở là 50,0m^2, đất vườn là 38,0m^2) tại một phần thửa đất 140 nêu trên, đất được giới hạn bởi các điểm (4,5,6,25,4) có trị giá 3.140.000.000đ (Ba tỷ một trăm bốn mươi triệu đồng). Trên đất có nhà gạch mái tôn, nhà bếp, sân gạch, mái tôn, tường bao do bà T xây dựng năm 2015. Bà T được thanh toán thêm số tiền chênh lệch là 1.029.563.605 đồng.

- Chia cho bà Vương Thị T2 diện tích 86,5m^2 (trong đó: Đất ở là 50m^2, đất vườn là 36,5m^2) tại một phần thửa đất 140 nêu trên, đất được giới hạn bởi các điểm (3,4,25,24,3) có trị giá là: 3.095.000.000đ (Ba tỷ không trăm chín mươi lăm triệu đồng). Bà T2 được thanh toán thêm số tiền chênh lệch là 1.074.563.605 đồng.

- Chia cho bà Vương Thị H2 diện tích 85,0m^2 (trong đó: Đất ở là 50m2, đất vườn là 35m^2) tại một phần thửa đất 140 nêu trên, đất được giới hạn bởi các điểm (21,27,16,17,18,19,20,21,27). Trên đất có nhà 03 gian trị giá 16.398.225 đồng; nhà bếp hai gian trị giá 9.697.875 đồng. Đất và tài sản trên đất được chia có trị giá: 3.076.096.100đ (Ba tỷ không trăm bảy mươi sáu triệu không trăm chín mươi sáu nghìn một trăm đồng). Bà H2 được thanh toán thêm số tiền chênh lệch là 1.093.467.505 đồng.

- Chia cho bà Vương Thị Thúy T3 diện tích 85,5m2 (trong đó: Đất ở là 50m^2, đất vườn là 35,5m^2) tại một phần thửa đất 140 nêu trên, đất được giới hạn bởi các điểm (2,3,24,23,2). Trên đất có 01 cây nhãn trị giá 1.260.000 đồng. Đất và tài sản trên đất bà T3 được chia có trị giá: 3.066.260.000đ (Ba tỷ không trăm sáu mươi sáu triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng). Bà T3 được thanh toán thêm số tiền chênh lệch là 1.103.303.605 đồng.

- Chia cho ông Vương Đình T1 diện tích 222,0m^2 (trong đó: Đất ở là 50,0m^2, đất vườn là 172,0m^2) tại một phần thửa đất 140 nêu trên, đất được giới hạn bởi các điểm (1,2,23,22,1), Trên đất có 01 cây bưởi trị giá 598.500 đồng, 02 cây mít trị giá

1.522.500 đồng, 01 cây vối trị giá 577.500 đồng, 01 cây trứng gà trị giá 147.000 đồng. Đất và tài sản trên đất ông T1 được chia có trị giá là: 7.162.845.500đ (Bảy tỷ một trăm sáu mươi hai triệu tám trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm đồng). Ông T1 được thanh toán thêm số tiền chênh lệch 908.500.093 đồng.

- Chia cho ông Vương Đình L diện tích 304,5m^2 (trong đó: Đất ở là 50m^2, đất vườn là 254,5m^2) tại một phần thửa đất 140 nêu trên, đất được giới hạn bởi các điểm (27,26,8,11,12,13,14,15,16,27) trên đất có nhà 05 gian (nhà thờ) trị giá 8.792.740 đồng; 01 cây bơ trị giá 598.500 đồng, 02 cây mít trị giá 1.102.500 đồng, 01 cây nhãn trị giá 819.000 đồng, 01 cây bưởi trị giá 430.900 đồng, bức bình phong, tường hoa, bể nước. Đất và tài sản trên đất ông L được chia có trị giá là 9.646.743.640đ (Chín tỷ sáu trăm bốn mươi sáu triệu bảy trăm bốn mươi ba nghìn sáu trăm bốn mươi đồng). Ông T1 được thanh toán thêm số tiền chênh lệch 3.392.398.233 đồng.

1.5.Nghĩa vụ thanh toán.

Ông Vương Đình L có trách nhiệm thanh toán cho bà Vương Thị T số tiền 1.029.563.605 đồng;

Ông Vương Đình L có trách nhiệm thanh toán cho bà Vương Thị T2 số tiền 1.074.563.605 đồng;

Ông Vương Đình L có trách nhiệm thanh toán cho bà Vương Thị Thúy T3 số tiền 1.103.303.605 đồng;

Ông Vương Đình L có trách nhiệm thanh toán cho bà Vương Thị H2 số tiền 184.967.412 đồng.

Ông Vương Đình T12 có trách nhiệm thanh toán cho bà Vương Thị H2 số tiền 908.500.093 đồng;

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án (Người giám hộ cho bà H2 được thực hiện quyền theo quy định tại Điều 47, 57, 58, 59 của Bộ luật dân sự); nếu người phải thi hành án không chịu trả số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tại thời điểm trả.

1.6. Khi bản án chia thừa kế của Tòa án có hiệu lực pháp luật, Văn phòng đăng ký đất đai, cơ quan Tài nguyên và Môi trường có thẩm quyền căn cứ vào bản án, quyết định của Tòa án để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án. Ông L là người đang quản lý Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 205351 do UBND huyện G, thành phố Hà Nội cấp ngày 27/9/2004 mang tên hộ gia đình ông Vương Đình T4 có nghĩa vụ bàn giao lại cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền và phối hợp với những người được hưởng thừa kế để làm thủ tục cấp GCNQSDĐ theo quy định. Trường hợp ông L không phối hợp, giao nộp GCNQSDĐ đã cấp để làm thủ tục cấp GCNQSDĐ mới thì những người được hưởng thừa kế có quyền liên hệ với các cơ quan chức năng để thực hiện việc làm thủ tục cấp GCNQSDĐ theo bản án, quyết định của Tòa án.

1.7. Bác các yêu cầu khác của đương sự.

1.8. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí định giá là 10.000.000 đồng, đã thanh toán xong.

1.9. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Vương Đình T1, ông Vương Đình L là bị đơn.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Vương Thị T; bị đơn ông Vương Đình L, ông Vương Đình T1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Vương Thị T2, bà Vương Thị H2 được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vương Thị Thúy T3 phải chịu 112.169.563 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bị đơn ông Vương Đình L, ông Vương Đình T1 được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Vương Thị Thúy T3 không phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Bà Vương Thị Thúy T3 đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0004409 ngày 16/9/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G nay chuyển thành án phí; bà T3 còn phải tiếp tục nộp số tiền án phí là 111.869.000 đồng.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đinh Như Lâm